



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ CẬP NHẬT CỦA TỔ CHỨC UTZ TẠI VIỆT NAM NĂM 2017

I. Giới thiệu

UTZ là một chương trình chứng nhận và nhãn hiệu cho canh tác bền vững trên toàn cầu, đưa ra các tiêu chuẩn về sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp bền vững, có trách nhiệm về kinh tế, xã hội và môi trường trong sản xuất Cà phê, Cacao và Chè mà các thương hiệu và người tiêu dùng mong đợi.

Chương trình UTZ được bắt đầu chứng nhận tại Việt Nam từ năm 2002. Hiện nay, UTZ đang chứng nhận cho 3 loại cây trồng tại Việt Nam là Cà phê Cacao và Chè.

Hoạt động của Văn phòng UTZ tại Việt Nam là hướng dẫn cho các đơn vị thành viên thực hiện chương trình UTZ, hỗ trợ thông tin thương mại trong việc giao dịch với các khách hàng mua bán hàng được chứng nhận UTZ. Các công việc hướng dẫn và hỗ trợ như là Tập huấn, Hội thảo, Tư vấn thực hiện và cung cấp thông tin khách hàng trong nước và trên thế giới, điều này được thể hiện đầy đủ trên cổng thông tin của mỗi thành viên.

Các đơn vị thành viên là các đơn vị đã đăng ký tham gia chương trình UTZ, bao gồm các Nhà sản xuất, Kho hàng, Nhà thương mại, Nhà chế biến, Nhà rang xay, Nhà máy làm ra sản phẩm bán thành phẩm và sản phẩm tiêu dùng cuối cùng. Mỗi đơn vị là mỗi mắt xích trong chuỗi cung ứng của sản phẩm và có thể truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm mình đang sở hữu. Chương trình UTZ giúp cho nông dân và gia đình họ thông tin và kiến thức để canh tác có hiệu quả, mang đến lợi nhuận cao, bên cạnh đó còn bảo vệ tốt môi trường và quan tâm đến sức khỏe và cuộc sống người lao động. UTZ cũng giúp cho các đơn vị thành viên có được uy tín tốt hơn cũng như khả năng cạnh tranh trong giao dịch thương mại.

Bên cạnh các công việc hướng dẫn và hỗ trợ ở trên, UTZ tại Việt Nam cũng đang kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước (ERIPT, NIAPP, IPSARD, CDC, TTC, Eleaf, Water Watch, Nelen & Schuurmans, AKVO, ICCO, NSO) để triển khai dự án GREENCoffee (Dịch vụ thông tin cho quản lý trang trại Cà phê bền vững) tại 4 tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng), bắt đầu từ tháng 10/2016 và sẽ kết thúc vào năm 2019.

Tháng 6 năm 2017 văn phòng chính của UTZ tại Hà Lan gửi thông báo hợp nhất hai tổ chức UTZ và Rainforest Alliance đến các đối tác liên quan trên toàn thế giới. Hiện nay chúng tôi đã và đang trong giai đoạn hợp nhất hai tổ chức.

II. Tình hình phát triển chứng nhận và các hoạt động đã triển khai

1. Số liệu chứng nhận:

Các đơn vị tham gia chương trình UTZ được đánh giá và được cấp chứng nhận hàng năm bởi các đơn vị đánh giá độc lập mà UTZ đã ủy quyền, tính đến thời điểm 31/12/2017 đã có:

- Đối với Cà phê có 21 Nhà máy chế biến xuất khẩu và 6 nhà rang xay và 44 đơn vị sản xuất được chứng nhận với 30,798 nông hộ tham gia, diện tích 43,923.24 ha và sản lượng 168,959.66 tấn, đứng thứ 2 trên toàn thế giới sau Brazil (chi tiết ở phụ lục 1).
- Đối với Cà cao có 4 đơn vị được chứng nhận sản xuất sản phẩm tiêu dùng, 8 đơn vị được cấp phép tham gia mua bán, 2 đơn vị là nhà sản xuất được chứng nhận với 286 nông hộ tham gia 284.99 ha và sản lượng 330.32 tấn hạt (chi tiết ở phụ lục 2).
- Đối với Chè có 1 đơn vị sản xuất và chế biến với 25 nông hộ tham gia diện tích 10.27 ha và sản lượng 20.56 tấn chè thành phẩm (chi tiết ở phụ lục 3).

2. Các hoạt động trong năm 2017:

- 2.1. Tham gia Hội thảo “Phát triển ngành hàng Cà phê thích ứng với Biến đổi khí hậu và Hội nhập quốc tế”, ngày 12/3/2017 tại Đắk Lắk.
- 2.2. Tham gia lễ hội Cà phê lần thứ 6, tháng 3 năm 2017.
- 2.3. Họp UTZ châu Á tại Indonesia từ ngày 19 – 24/3/2017.



- 2.4. Tham dự lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An,
- 2.5. Tham dự lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty TNHH MTV Cà phê Thắng Lợi.
- 2.6. Tham dự hội thảo “Diễn đàn Cà phê Bền vững”, ngày 11-12/4/2017 tại Lâm Đồng.
- 2.7. Tập huấn Sản xuất Cà phê Thích ứng và Giảm thiểu BĐKH cho Công ty TNHH Hồ Phương tại Lâm Đồng 14-15/4/2017
- 2.8. Thăm và làm việc với các công ty thành viên của UTZ.
 - 5 Công ty thành viên Cacao: Công ty TNHH MTV Cacao Hương Việt, Công ty Cacao Lâm Tùng, Công ty TNHH Thành Hưng Thịnh, Công ty Cacao Phú Bình, Công ty TNHH Cacao Trọng Đức.
 - 8 Công ty thành viên Cà phê: Công ty Cà phê 731, Công ty Cà phê Dak Uy, Công ty Cà phê Iasao 2, Công ty Cà phê 706, Công ty Cổ phần Mascopex tại Gia Lai, Công ty TNHH XNK Hoa Trang, Công ty TNHH MTV Cà phê Thắng Lợi, Công ty Cổ phần Intimex Buôn Ma Thuột.
- 2.9. Thăm và làm việc với Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Đắk Lắk và Cafecontrol C/N Đắk Lắk, ngày 27/6/2017.
- 2.10. Thăm và làm việc với Trung tâm Phát triển Cộng đồng (CDC) và tổ chức chứng nhận VSCB Việt Nam ngày 28/6/2017
- 2.11. Tập huấn chương trình UTZ cho 13 công ty thành viên lần đầu tiên tham gia chương trình UTZ:
 - Công ty TNHH Cà phê Hân Vinh, Công ty cổ phần Mascopex C/N Lâm Đồng, Công ty TNHH MTV Cà phê Hương Vị Trời, Công ty TNHH XNK Hoa Trang Gia Lai, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Công ty TNHH Mercafe Việt Nam, Công ty TNHH Volcafe Việt Nam, Công ty TNHH Cà phê G20 Việt Nam, Công ty TNHH Cà phê Siva Darrak, Công ty Cổ phần Y5cafe Dak Lak, Công ty Cổ phần ESC Việt Nam, Công ty TNHH Tuyết Trúc, Trung Tâm XNK Vinacafe.
- 2.12. Tập huấn chương trình UTZ cho 38 công ty thành viên đã từng tham gia chương trình UTZ:
 - Công ty TNHH Hồ Phương, Công ty ARO Coffee, Công ty TNHH SX&TM Cát Quế, Công ty TNHH Olam Dak Lak, Công ty TNHH Olam Lâm Đồng, Tập đoàn Phúc Sinh, Công ty cà phê Buôn Hồ, Công ty cà phê ĐắkĐoa, Công ty cà phê Iasao1, Công ty cà phê Iasao2, Công ty cà phê 706, Công ty cà phê ĐắkUy, Công ty TNHH MTV cà phê 49, Công ty TNHH MTV cà phê Ea Sim, Công ty TNHH MTV cà phê Việt Thắng, Công ty TNHH MTV cà phê Việt Đức, Công ty TNHH MTV cà phê Chư Quynh, Công ty TNHH MTV cà phê Ea Tiêu, Công ty TNHH một thành viên cà phê 715A, Công ty TNHH một thành viên cà phê 715C, Công ty TNHH MTV cà phê 721, Công ty TNHH MTV cà phê 720, Công ty TNHH MTV cà phê 716, Công ty TNHH MTV cà phê Đ'rao, Công ty TNHH MTV cà phê Ia Blan, Công ty TNHH MTV cà phê Ia Châm, Công ty TNHH MTV cà phê IaGrai, Công ty TNHH MTV cà phê 705, Công ty TNHH MTV cà phê 731, Công ty TNHH MTV cà phê 704, Công ty TNHH MTV cà phê 734, Công ty TNHH MTV cà phê ĐắkNông, Trung tâm XNK Vinacafe tại Bình Dương, C/N Vinacafe Nam Tây Nguyên, Tổng công ty cà phê Việt Nam.
- 2.13. Hỗ trợ giải quyết các sai sót về Truy nguyên sản phẩm trong giao dịch bán hàng trên hệ thống UTZ hàng ngày của các công ty thành viên.
- 2.14. Kết hợp với Trung Tâm Phát Triển Cộng Đồng (CDC) tổ chức hội thảo ra mắt ứng dụng của chương trình Green Coffee ngày 29/9/2017, mở lớp tập huấn cho 25 giảng viên nguồn cho chương trình Green Coffee ngày 18/11/2017.
- 2.15. Tham gia các hội thảo, hội nghị liên quan đến sản xuất nông nghiệp bền vững do nhà nước tổ chức, cũng như các đối tác liên quan trong và ngoài nước tại Việt Nam.

III. Những lợi ích UTZ mang lại cho các đơn vị thành viên Nhà sản xuất

1. Lợi ích về Kinh tế:

- Tiết kiệm chi phí vật tư đầu vào cho nông dân trồng Cà phê do được tập huấn nâng cao kiến thức về các biện pháp canh tác tốt
- Cân đúng trọng lượng



- Đo đúng độ ẩm
- Cải thiện chất lượng và an toàn thực phẩm
- Tăng năng suất
- Tiền thưởng được khách hàng trả thêm

2. Lợi ích về xã hội:

- Liên kết tổ chức được nông dân
- Xây dựng ổn định vùng nguyên liệu cho các nhà thương mại
- Bảo vệ quyền lợi và sức khỏe cho người lao động
- Thay đổi tập quán canh tác tốt hơn

3. Lợi ích về Môi trường:

- Không sử dụng thuốc cấm
- Xử lý rác thải và chất thải có trách nhiệm
- Bảo vệ rừng và trồng thêm cây xanh
- Bảo vệ và tiết kiệm nguồn nước, bảo vệ độ phì đất trong canh tác hàng ngày

4. Các giá trị mang lại khác:

- Nông dân tham gia chương trình UTZ đối với Cà phê, Ca cao, Chè được đào tạo về kỹ thuật canh tác, quản lý vườn cây, sản phẩm, vệ sinh an toàn lao động và bảo vệ môi trường.
- Ý thức bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe được tăng lên rõ rệt, cụ thể là trong khu vực sản xuất luôn sạch sẽ, gọn gàng, không vứt rác thải bừa bãi, bảo vệ nguồn nước và sử dụng bảo hộ lao động.
- Dễ dàng thương lượng trong việc mua bán sản phẩm, giá cả cạnh tranh hơn và lợi thế nghiêng về người nông dân nhiều hơn.
- Không phơi Cà phê trên sân đất, thu hái chín, chất lượng được gia tăng.

IV. Những thuận lợi và khó khăn thách thức

1. Thuận lợi

- Xu thế thị trường hiện nay đang nghiêng về các sản phẩm có chứng nhận, người tiêu dùng quan tâm nhiều hơn về chất lượng, an toàn thực phẩm và truy nguyên được nguồn gốc.
- Có sự ủng hộ, quan tâm của nhà nước và chính quyền các cấp, người nông dân sẵn sàng tham gia khi có chương trình triển khai.
- Các thương hiệu mạnh, các nhà chế biến sản phẩm tiêu dùng trên thế giới đang dần xích lại với người nông dân hơn, nhằm hạn chế các trung gian đặc biệt các nhà đầu cơ có tiềm lực kinh tế mạnh trên thế giới mà hiện nay họ đang thao túng thị trường.
- Nhiều đơn vị rang xay Cà phê đang chuyển hướng sang chế biến Cà phê nguyên chất, đồng thời người tiêu dùng cũng đã nhận thức được nguy cơ của Cà phê pha tẩm không rõ nguồn gốc. Các đơn vị chức năng của nhà nước đã và đang đẩy mạnh kiểm tra, phạt nặng hoặc loại bỏ các cơ sở sản xuất Cà phê không đảm bảo chất lượng và mất an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây là tín hiệu đáng mừng cho tiêu thụ Cà phê nội địa, làm tăng giá trị gia tăng cho chuỗi giá trị Cà phê tại Việt Nam.
- Đối với Cacao hiện nay đang có một số doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư có quy mô. Đầu ra Cacao hạt có chứng nhận đang được các doanh nghiệp thu mua hầu như hoàn toàn. Bên cạnh đó các nhà thương mại tham gia nhiều hơn, giá cả đang có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các đơn vị tham gia UTZ và không UTZ dẫn đến giá nội địa cao hơn giá xuất khẩu rất nhiều.
- Đối với Chè hiện nay đã có các giống có năng suất và chất lượng đang được phổ biến rộng rãi, người trồng có nhiều sự lựa chọn trong việc tạo ra các sản phẩm để đưa ra thị trường. Nông dân trồng Chè



đã biết áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, về giống, thiết kế nương Chè chống xói mòn, mật độ trồng, thu hái đảm bảo thời gian cách ly.

2. Khó khăn thách thức

2.1. Đối với Cà phê

- Đối với Cà phê hiện nay giá cả đang có chiều hướng giảm (< 36.000đ/kg, ngày 31/12/2017), công lao động cao (>250.000đ/ngày công), người trồng Cà phê đang phải đối mặt với khó khăn về kinh tế, trong lúc nhiều vườn Cà phê già cỗi cũng cần phải đưa vào tái canh.
- Việc áp dụng chương trình UTZ cho sản xuất Cà phê phụ thuộc phần lớn vào các doanh nghiệp. Trong khi các doanh nghiệp chủ yếu quan tâm về đầu ra, mà thị trường đầu ra hiện nay lượng bán có thường chưa đến 30% so với chứng nhận đầu vào bên cạnh đó để duy trì chứng nhận UTZ họ phải bỏ ra một khoản kinh phí để tổ chức và vận hành, mua lại Cà phê của nông hộ tham gia với việc cộng thêm giá thường.
- Các đơn vị rang xay trong nước chưa thực sự mặn mà tham gia vì yêu cầu khắt khe về hàm lượng Cà phê trong sản phẩm và truy nguyên của chương trình, trong khi sản phẩm bình thường vẫn đang được phổ biến rộng rãi trên thị trường.

2.2. Đối với Cacao

- Sâu bệnh nhiều, đặc biệt là bệnh thối trái do nấm phytophthora palmivora và bọ xít muỗi (helopeltis sp) chích hút trên quả và chồi non gây khó khăn chăm sóc cho người trồng trong việc phòng trị.
- Khả năng cạnh tranh chưa vượt trội so với một số cây trồng khác do năng suất không cao và hiệu quả kinh tế chưa vượt trội. Những vùng có tiềm năng phát triển mạnh như ở các tỉnh Tây Nguyên thì Cacao chưa thể cạnh tranh được với các cây trồng khác như Cà phê, Hồ tiêu, ..., các tỉnh Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ thì có Mít, Bưởi Da Xanh,
- Sản lượng cả nước thấp (dưới 7.000 tấn hạt/năm) dẫn đến các nhà thương mại từ nước ngoài e ngại đầu tư vào Việt Nam, chưa tạo động lực mạnh trong việc phát triển Cacao.
- Thị trường cạnh tranh phức tạp, một số doanh nghiệp mua Cacao không UTZ cố tình đẩy giá lên cao vượt giá thị trường thế giới, với mục đích giành sự kiểm soát thị trường về phần mình. Tình trạng này đang lặp lại của thị trường Cà phê của những năm trước đây và kết cục là các doanh nghiệp nội địa không đủ vốn để cầm cự, dẫn đến thua lỗ và phá sản.

2.3. Đối với Chè

- Hiện nay, Chè xuất khẩu vẫn chủ yếu xuất sang thị trường dễ tính, sản phẩm Chè Việt Nam vẫn được khách hàng thế giới biết đến với giá rẻ và chất lượng xuất khẩu trung bình, chưa nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường yêu cầu chất lượng cao như EU, Mỹ, ..., chưa tạo được thương hiệu cho Chè Việt Nam trên thị trường thế giới.
- Sản xuất và chế biến Chè khó kiểm soát chất lượng. Trong khi yêu cầu ngày càng cao của các nước tiêu thụ, cạnh tranh gay gắt trong xuất khẩu Chè với các nước khác trên thế giới.

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 9 tháng 01 năm 2018

Đại diện UTZ Việt Nam



Nguyễn Văn Thiết



Nơi nhận:

- Cục Trồng Trọt Bộ NN&PTNT
- Cục Trồng Trọt Phía Nam
- TT Khuyến Nông Quốc Gia
- Hiệp hội Cà phê Cacao Việt Nam
- Ban Chỉ Đạo Tây Nguyên
- UBND tỉnh Đắk Lắk
- Sở NN&PTNT Đắk Lắk
- TT Khuyến Nông tỉnh Đắk Lắk
- Sở KH&ĐT Đắk Lắk
- Sở Ngoại Vụ Đắk Lắk
- Sở Công Thương Đắk Lắk
- Sở KH&CN Đắk Lắk
- Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột
- Viện Nghiên cứu WASI
- Trung Tâm PT Cộng Đồng (CDC)
- PA 61 Công An tỉnh Đắk Lắk
- PA 81 Công An tỉnh Đắk Lắk
- Trung Tâm Phục Vụ Đối Ngoại Đà Nẵng
- UBND tỉnh Lâm Đồng
- Sở NN&PTNT Lâm Đồng
- UBND tỉnh Đắk Nông
- Sở NN&PTNT Đắk Nông
- UBND tỉnh Gia Lai
- Sở NN&PTNT Gia Lai
- UBND tỉnh Kon Tum
- Sở NN&PTNT Kon Tum
- UBND tỉnh Quảng Trị
- Sở NN&PTNT Quảng Trị
- UBND tỉnh Bình Phước
- Sở NN&PTNT Bình Phước
- UBND tỉnh Đồng Nai
- Sở NN&PTNT Đồng Nai
- UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Sở NN&PTNT Bà Rịa Vũng Tàu
- UBND tỉnh Tiền Giang
- Sở NN&PTNT Tiền Giang
- Sở KH&CN Tiền Giang
- UBND tỉnh Bến Tre
- Sở NN&PTNT Bến Tre
- Trung Tâm KN Bến Tre
- UBND tỉnh Vĩnh Long
- Sở NN&PTNT Vĩnh Long
- UBND tỉnh Sơn La
- Sở NN&PTNT Sơn La
- UBND tỉnh Điện Biên
- Sở NN&PTNT Điện Biên
- UBND tỉnh Thái Nguyên
- Sở NN&PTNT Thái Nguyên
- UBND tỉnh Phú Thọ
- Sở NN&PTNT Phú Thọ
- UBND tỉnh Yên Bái
- Sở NN&PTNT Yên Bái

-----o0o-----

Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
TỈNH ĐẮK LẮK				
1	Công ty TNHH Dak Man Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Pok	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
4	Công ty TNHH Cà phê Ngon	Chứng nhận nhà máy rang xay		
5	Công ty TNHH Olam Đắk Lắk	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
6	Công ty TNHH Simexco Đắk Lắk	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
7	Công ty TNHH Nedcoffee Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
8	Tập đoàn Phúc Sinh (Phuc Sinh Dak Lak Joint Stock Company)	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
9	Công ty ARO-Coffee	Chứng nhận nhà máy rang xay		
10	Công ty TNHH Simexco Đắk Lắk	1,127	1,432.00	6,131.57
11	Công ty TNHH Dak Man Việt Nam	540	800.3	3614.30
12	Công ty TNHH MTV Cà phê Thắng Lợi	1,119	1,148.54	5,220.60
13	Công ty Cà phê Buôn Hồ	497	353.21	1,011.00



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
14	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Pok	474	380.07	725.00
15	Công ty TNHH Olam Đắk Lak	557	929.00	6,208.00
16	Công ty TNHH Louis Dreyfus - BMT	1,083	2,309.00	9,483.51
17	Công ty TNHH MTV Thảo Nguyên	370	614.62	2,268.70
18	Công ty Cổ phần Quang Minh	579	716.50	2,805.02
19	Tập đoàn Phúc Sinh	594	647.30	2,352.35
20	Tập đoàn Tín Nghĩa	826	1,543.92	5,674.14
21	Công ty TNHH MTV Cà phê 720	52	27.60	60.00
22	Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức	554	439.14	1,356.00
23	Công ty Cổ phần Cà phê Phước An	1,306	1,418.00	4,580.00
24	Công ty TNHH Volcafe Việt Nam	98	244.20	793.30
25	Công ty TNHH Thương mại XNK Tân An Tú I	200	306.70	1,184.00
26	Công ty Cà phê Đrao	255	231.00	400.00
27	Công ty TNHH MTV Cà phê 49	85	118.31	400.00
CỘNG ĐẮK LẮK		10,316	13,659.41	54,267.49
TỈNH LÂM ĐỒNG				
1	Công ty TNHH Olam Lâm Đồng	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty Acom Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty Cổ phần XNK Cà phê Đà Lạt	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
4	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
5	Công ty TNHH Như Tùng	477	1,074.00	4,858.22
6	Công ty TNHH Hồ Phượng	408	509.00	1,832.76



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
7	Công ty TNHH Olam Lâm Đồng	360	975.20	3,559.52
8	Công ty TNHH Mercafe Việt Nam	259	646.8	1,785.26
9	Công ty Acom Việt Nam	799	1,981.60	6,827.82
10	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Bảo Lâm	1,898	2,684.25	13,678.33
11	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Di Linh	1,297	2,840.95	15,868.89
12	Công ty TNHH Louis Dreyfus - Ta Nung	373	681.2	1,503.00
13	Công ty TNHH Comercial Exportadora Việt Nam	167	441.10	1,976.16
14	Công ty Cổ phần Mascopex - Lâm Đồng	131	305.00	938.00
CỘNG LÂM ĐỒNG		6,169	12,139.10	52,827.95
TỈNH ĐẮK NÔNG				
1	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty Cổ phần Intimex Đắk Nông	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước	735	1,371.22	6,778.58
4	Công ty TNHH Thương mại XNK Tân An Tú I	124	129.40	1,146.20
CỘNG ĐẮK NÔNG		859	1,500.62	7,924.78
TỈNH GIA LAI				
1	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty Cà phê Iasao 2	364	353.00	1,000.00
3	Công ty Cà phê 706	718	722.64	1,000.00
4	Công ty TNHH Neumann Gruppe Việt Nam	893	1,037.40	3,464.20
5	Công ty TNHH Tín Thành Đạt	632	1,593.02	7,267.90
6	Công ty Cổ phần Mascopex	1,028	1,690.05	9,391.34



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
7	Công ty TNHH XNK Hoa Trang Gia Lai	307	571.80	8,964.77
8	Công ty TNHH Nedcoffee Việt Nam	451	837.60	3,432.40
9	Công ty Cà phê Đak Đoa	360	333.44	1,289.00
10	Công ty Cà phê Iasao 1	355	378.86	765.24
11	Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	89	575.20	2,342.50
CỘNG GIA LAI		5,197	8,093.01	38,917.35
TỈNH KONTUM				
1	Công ty Cà phê Đak Uy	385	363.49	1,241.00
2	Công ty TNHH MTV Cà phê 731	251	278.00	1,000.00
CỘNG KON TUM		636	641.49	2,241.00
TỈNH SƠN LA				
1	Công ty TNHH SX & TM Cát Quế	6,595	5,419.83	8,381.93
2	Doanh nghiệp tư nhân Cà phê Minh Tiến	463	1,056.65	1,770.18
CỘNG SƠN LA		7,057	6,476.48	10,152.11
TỈNH ĐIỆN BIÊN				
1	Doanh nghiệp tư nhân Cà phê Minh Tiến	282	355.33	548.48
LÀO				
1	Công ty TNHH Cát Quế Lào	282	1,057.80	2,080.50
TỈNH ĐỒNG NAI				
1	Công ty TNHH Neumann Gruppe Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Công ty TNHH Pacorini Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
3	Công ty TNHH Mercafe Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		



Phụ lục 1: Số liệu Chứng nhận Cà phê đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn nhân)
4	Công ty TNHH Volcafe Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
5	Công ty TNHH Cafeco Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
6	Công ty TNHH Hiang Kie	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu, rang xay		
7	Công ty TNHH Vinacof	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
8	Công ty TNHH Katoen Natie Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
9	Công ty TNHH Touton Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
10	Tập đoàn Tín Nghĩa	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu, rang xay		
TỈNH BÌNH DƯƠNG				
1	Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
2	Tập đoàn Phúc Sinh	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu, rang xay		
3	Công ty TNHH Louis Dreyfus Việt Nam	Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu		
TP. HỒ CHÍ MINH				
1	Công ty TNHH Cà phê Cư Bao	Chứng nhận nhà máy rang xay		
TỈNH LONG AN				
1	Công ty TNHH Cà phê Outspan Việt Nam	Chứng nhận nhà máy rang xay		
TỔNG CỘNG		30,798	43,923.24	168,959.66
▪ Chứng nhận Nhà máy chế biến xuất khẩu ▪ Chứng nhận Nhà máy rang xay ▪ Chứng nhận Nhà sản xuất Nông hộ Diện tích Sản lượng : 22 đơn vị : 6 đơn vị : 44 đơn vị : 30,798 hộ : 43,923.24 ha : 168,959.66 tấn nhân				



Phụ lục 2: Số liệu Chứng nhận Cacao đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NÔNG HỘ	DIỆN TÍCH (Ha)	SẢN LƯỢNG (Tấn hạt)
TỈNH ĐAK LAK				
1	Công ty TNHH ACOM Việt Nam	Thương mại và chế biến Cacao hạt xuất khẩu		
2	Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ Bến Thành	Thương mại và chế biến Cacao hạt xuất khẩu		
3	Công ty TNHH SX Nông nghiệp Hoàng Phát	113	122.69	234.42
TỈNH ĐAK NÔNG				
4	Công ty Cà phê Đức Lập	173	162.3	95.90
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU				
5	Công ty TNHH Dobla Asia	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		
TỈNH ĐỒNG NAI				
6	Công ty TNHH Cacao Trọng Đức	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		
TỈNH BẾN TRE				
7	Công ty TNHH ACOM Việt Nam	Thương mại và chế biến Cacao hạt xuất khẩu		
	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
8	Tập đoàn Asia Chemical	Nhà thương mại		
	TỈNH LONG AN			
9	Công ty TNHH An Khải	Nhà thương mại		
	TỈNH BÌNH DƯƠNG			
10	Friesland Campina Việt Nam	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		
	TỈNH HÀ NAM			
11	Friesland Campina Hà Nam	Thương mại và Chế biến sản phẩm tiêu dùng		
TỔNG CỘNG		286	284.99	330.32
▪ Chứng nhận nhà máy chế biến xuất khẩu Cacao hạt ▪ Chứng nhận chế biến Socola & sản phẩm tiêu dùng ▪ Tham gia thương mại ▪ Chứng nhận Nhà sản xuất Tổng số nông hộ tham gia Tổng diện tích Tổng sản lượng : 1 đơn vị : 4 đơn vị : 8 đơn vị : 2 đơn vị : 286 hộ : 284.99 ha : 330.32 tấn hạt				



Phụ lục 3: Số liệu Chứng nhận Chè đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

TT	Tên đơn vị được chứng nhận	Nông hộ	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
	TỈNH THÁI NGUYÊN			
1	Hợp Tác Xã Chè Tân Hương	25	10.27	20.65

